

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CỬA LÒ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 1275 UBND - TCKH

Cửa Lò, ngày 15 tháng 8 năm 2022

V/v báo cáo ước thực hiện kế hoạch KT-XH
9 tháng đầu năm, nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022
và ước kết quả thực hiện năm 2022

Kính gửi:

- Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị cấp Thị;
- Chủ tịch UBND các phường.

Thực hiện chương trình công tác của UBND thị xã Cửa Lò và để chuẩn bị tốt nội dung phục vụ phiên họp Ủy viên UBND thị xã, BTV Thị ủy, BCH Đảng bộ thị xã; UBND thị xã yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị, Chủ tịch UBND các phường báo cáo ước thực hiện kế hoạch KTXH - QPAN 9 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện kế hoạch KTXH 3 tháng cuối năm 2022 và ước kết quả thực hiện năm 2022; Cụ thể như sau:

1- Đánh giá kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu 9 tháng đầu năm và dự ước năm 2022 của phòng, ban, đơn vị, ngành thuộc mình quản lý.

+ Các phòng, ban, đơn vị, UBND các phường căn cứ vào Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND thị xã về kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng- an ninh năm 2022; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 về phê chuẩn dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2022; Nghị quyết số 07/NQ - HĐND ngày 19/7/2022 về điều chỉnh tăng thu ngân sách năm 2022, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022, Nghị quyết số 09/NQ - HĐND ngày 19/7/2022 về bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022.

+ Đối với UBND các phường chú trọng về tình hình thực hiện các chỉ tiêu cụ thể đã được giao theo quyết định số 3114/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã Cửa Lò “Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 cho các phường”.

+ Chi cục thuế khu vực Bắc Vinh, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã đánh giá cụ thể kết quả công tác đấu giá QSD đất 9 tháng đầu năm và dự ước cả 2022:

· Tổng số lô đất đã đấu, tổng số tiền trúng đấu giá QSD đất, số tiền đã nộp vào ngân sách thị xã.

2 - Những tồn tại vướng mắc, khó khăn trong việc thực hiện kế hoạch KTXH-QPAN 9 tháng đầu năm 2022 và chỉ rõ nguyên nhân các tồn tại.

3- Nhiệm vụ trọng tâm 3 tháng cuối năm 2022.

4- Các giải pháp để hoàn thành nhiệm vụ KTXH-QPAN năm 2022.

5- Những đề xuất, kiến nghị.

Báo cáo phải đảm bảo chất lượng và đầy đủ các nội dung như đã nêu trên; gửi về UBND thị xã (*Qua phòng Tài chính - Kế hoạch*) chậm nhất trước ngày 26/8/2022 và 01 bản qua email (Tckhcualo@gmail.com hoặc thanhuutckh@gmail.com)

· Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các phường
· nghiêm túc triển khai thực hiện./ 

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Thị uỷ, TT HĐND Thị xã (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND Thị xã;
- Lưu VT, TC - KH.



**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Doãn Tiến Dũng

UBND THỊ XÃ CỬA LÒ

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021		Năm 2022				So sánh (%)			
			9 tháng	Cả năm	KH tỉnh giao	KH HĐND thị xã	Ước TH 9 tháng	Ước TH năm 2022	Ước TH 9 tháng 2022/KH 2022 (tỉnh giao)	Ước TH 9 tháng 2022/KH 2022 (thị xã giao)	Ước TH 9 tháng 2022/TH 9 tháng 2021	Ước TH 2022/TH 2021
I	Chỉ tiêu kinh tế											
1	Giá trị sản xuất (giá cố định 2010)	Triệu đồng										
a	Nông lâm ngư nghiệp	Triệu đồng										
b	Công nghiệp - Xây dựng	Triệu đồng										
	- Công nghiệp	Triệu đồng										
	- Xây dựng	Triệu đồng										
c	Dịch vụ	Triệu đồng										
*	GTGT bình quân đầu người	Triệu đồng										
2	Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên địa bàn	Tỷ đồng										
3	Thu Ngân sách NN trên địa bàn	Tỷ đồng										
-	Thu các sắc thuế	tỷ đồng										
-	Thu cấp quyền sử dụng đất	tỷ đồng										
+	Thu đấu giá QSD đất	tỷ đồng										
+	Tiền đất dự án	tỷ đồng										
4	Chi ngân sách địa phương	tỷ đồng										
	Chi thường xuyên	tỷ đồng										
	Chi đầu tư XD CB	tỷ đồng										
	Chi NS phường, chi dự phòng, chi khác	tỷ đồng										

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021		Năm 2022				So sánh (%)			
			9 tháng	Cả năm	KH tỉnh giao	KH HĐND thị xã	Ước TH 9 tháng	Ước TH năm 2022	Ước TH 9 tháng 2022/KH 2022 (tỉnh giao)	Ước TH 9 tháng 2022/KH 2022 (thị xã giao)	Ước TH 9 tháng 2022/TH 9 tháng 2021	Ước TH 2022/TH 2021
5	Tổng vốn ĐTPPT trên địa bàn	tỷ đồng										
II	Chỉ tiêu xã hội											
1	Dân số trung bình	người										
	Tốc độ tăng dân số tự nhiên	%										
-	Mức giảm tỷ lệ sinh	‰										
2	Số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm	người										
	Xuất khẩu lao động	người										
3	Số lao động được đào tạo nghề	người										
4	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động	%										
	- Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề	%										
5	Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi	%										
6	Mức giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 so năm trước	%										
7	Số bác sĩ/ vạn dân	BS										
8	Tỷ lệ trạm y tế phường có bác sĩ	%										
9	Tỷ lệ phường đạt chuẩn QG về y tế	%										
10	Phường phù hợp với trẻ em	phường										
12	Số giường bệnh/ vạn dân	Giường										
13	Số hộ nghèo	hộ										

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021		Năm 2022				So sánh (%)			
			9 tháng	Cả năm	KH tỉnh giao	KH HĐND thị xã	Ước TH 9 tháng	Ước TH năm 2022	Ước TH 9 tháng 2022/KH 2022 (tỉnh giao)	Ước TH 9 tháng 2022/KH 2022 (thị xã giao)	Ước TH 9 tháng 2022/TH 9 tháng 2021	Ước TH 2022/TH 2021
14	Tỷ lệ hộ nghèo	%										
15	Số trường đạt chuẩn quốc gia	trường										
	<i>Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia</i>	%										
16	Tỷ lệ hộ dân được nghe đài phát thanh	%										
17	Tỷ lệ hộ dân được xem truyền hình	%										
18	Tỷ lệ gia đình văn hoá	%										
19	Tỷ lệ phường có thiết chế văn hoá thể thao đồng bộ (tiêu chí mới)	%										
20	Tỷ lệ khối văn hóa	%										
21	Tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội	người										
22	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	người										
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG											
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%										
2	Tỉ lệ rác thải đô thị được thu gom xử lý	%										
3	Tỷ lệ dân cư dùng nước hợp vệ sinh	%										
-	Tỷ lệ dân cư dùng nước máy	%										

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2021		Năm 2022				So sánh (%)			
			9 tháng	Cả năm	KH tỉnh giao	KH HĐND thị xã	Ước TH 9 tháng	Ước TH năm 2022	Ước TH 9 tháng 2022/KH 2022 (tỉnh giao)	Ước TH 9 tháng 2022/KH 2022 (thị xã giao)	Ước TH 9 tháng 2022/TH 9 tháng 2021	Ước TH 2022/TH 2021
4	Tỷ lệ dân cư dùng hố xí hợp vệ sinh	%										
IV	Một số sản phẩm chủ yếu											
1	Sản phẩm nông lâm ngư, công nghiệp											
-	Tổng sản lượng lương thực	Tấn										
-	Khai thác thủy sản + nuôi trồng	Tấn										
-	Chế biến sữa	1000lít										
-	Thủy hải sản đông lạnh	Tấn										
-	Nước mắm (quy chuẩn)	1.000lít										
-	Nước máy	1.000 m ³										
-	Sản phẩm may sẵn	1.000cái										
-	Gạch các loại (quy chuẩn)	1000 viên										
-	Bánh kẹo Tràng An	Tấn										
2	Du lịch											
-	Lượng khách du lịch	1000n										
-	Trong đó: Khách lưu trú	„										
-	Doanh thu du lịch	Tỷ đồng										